

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K6, TẠI HUYỆN KRÔNG NĂNG, KHÓA HỌC 2023-2025
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC**

THI PHẦN B.II: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Ngày thi: 10/8/2024; Thời gian làm bài: 180 phút;

Địa điểm: Trung tâm Chính trị huyện Krông Năng.

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Hoàng Thị	Anh	03/5/1990	02		13	70	Đầy
02	Võ Tá	Bá	16/4/1985	02		63	65	Sau 1 năm
03	Phạm Đức	Bùi	11/12/1985	02		68	77.5	Đầy 1 năm
04	Bùi Thị Kim	Chi	19/02/1989	02		66	75	Đầy 1 năm
05	Nguyễn Quang	Chiến	17/11/1976	02		62	70	Đầy
06	Hoàng Thị	Chuyên	23/02/1985	02		6	70	Đầy
07	Nguyễn Mạnh	Cường	19/8/1977	02		75	80	Tam
08	Hoàng Thị	Đậm	04/10/1983	02		9	75	Đầy 1 năm
09	Trần Thị Bích	Diệp	09/10/1982	02		49	80	Tam
10	Đinh Xuân	Đức	06/01/1988	02		70	65	Sau 1 năm
11	Phan Công	Dương	06/02/1986	02		69	72.5	Đầy 1 năm
12	Nguyễn Thị	Gái	10/6/1991	02		76	70	Đầy
13	Hà Thị	Giang	14/10/1980	02		60	75	Đầy 1 năm
14	Bùi Thị Huỳnh	Hà	03/9/1979	02		27	65	Sau 1 năm
15	Đinh Thị	Hà	06/01/1989	02		61	70	Đầy
16	Hồ Đăng	Hải	12/10/1982	02		64	70	Đầy
17	Nguyễn Thị	Hằng	15/02/1982	03		19	75	Đầy 1 năm
18	Phạm Thị	Hằng	15/3/1974	02		67	65	Sau 1 năm
19	Lý Văn	Hạp	06/8/1988	02		65	70	Đầy
20	Trần Văn	Hiên	01/10/1983	02		78	60	Sau



Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
21	Ngô Thị Ngọc Hòa	10/4/1989	02		58	77.5	Bảy, bảy năm
22	Phạm Thị Thu Hồng	20/01/1980	03		24	70	Bảy
23	Vi Thị Hồng	20/3/1987	03		16	80	Tám
24	Đinh Thị Hồng	26/10/1991	03		20	6.5	Sáu, năm
25	Nguyễn Thị Huê	01/7/1986	02		73	70	Bảy
26	Trần Tấn Hùng	20/7/1986	02		72	75	Bảy, năm
27	Nguyễn Thị Hương	05/01/1985	02		12	75	Bảy, năm
28	Đoàn Thị Hương	18/12/1983	03		23	70	Bảy
29	Cao Thị Thu Hương	03/10/1984	02		4	5.5	Năm, năm
30	Phạm Ngọc Hữu	26/3/1979	03		15	80	Tám
31	Phùng Thị Huyền	11/7/1986	02		5	70	Bảy
32	Y Sơ Wel Kbuôr	15/10/1980	02		26	70	Bảy
33	Trương Đình Khánh	16/10/1989	03		25	70	Bảy
34	Bê Đình Khu	05/10/1973	02		51	70	Bảy
35	Vũ Thị Lan	04/10/1982	02		35	6.5	Sáu, năm
36	Triệu Văn Liêm	11/12/1987	02		71	60	Sáu
37	Trần Thị Thùy Linh	05/3/1987	02		46	75	Bảy, năm
38	Nguyễn Thị Mai	21/12/1985	02		32	70	Bảy
39	Nguyễn Thị Nga	23/01/1980	02		44	6.5	Sáu, năm
40	Đinh Thị Thúy Ngân	10/12/1989	02		56	75	Bảy, năm
41	Huỳnh Văn Ngọc	18/6/1974	02		10	70	Bảy
42	Lương Thị Ngọc	13/8/1986	02		57	80	Tám
43	Nguyễn Thị Thanh Nhân	20/10/1983	02		29	70	Bảy
44	Lương Thị Nhung	30/4/1982	02		31	6.5	Sáu, năm
45	Nguyễn Thị Nhung	09/9/1985	02		74	80	Tám
46	Lê Thị Nhung	18/12/1986	03		21	70	Bảy
47	H Riêng Niê	21/01/1987	02		50	72.5	Bảy, hai năm

ĐÃ SẴN
TRƯỚC
HÌNH
MỘT

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
48	Nguyễn Thị Hồng Oanh	19/10/1988	02		38	70	Kiểm
49	Trương Văn Phúc	26/11/1985	03		22	70	Kiểm
50	Hoàng Bá Quân	13/01/1977	02		45	6.25	Sau, hai năm
51	Mai Vinh Quang	08/11/1979	02		55	6.75	Sau, bảy năm
52	Lưu Anh Quyên	04/10/1976	02		54	6.75	Sau, bảy năm
53	Nguyễn Thị Quyên	05/07/1988	02		14	75	Kiểm, năm
54	Đỗ Lâm Sơn	25/11/1978	03		8	6.5	Sau, năm
55	Nguyễn Thị Tâm	16/02/1988	02		41	75	Kiểm, năm
56	Đặng Văn Thắng	03/11/1984	02		11	6.5	Sau, năm
57	Trần Văn Thắng	09/7/1980	02		42	75	Kiểm, năm
58	Hoàng Thị Thanh	27/12/1984	02		43	70	Kiểm
59	Nguyễn Thị Hoài Thanh	31/10/1977	Nghỉ học và bảo lưu KQ học tập (QĐ bảo lưu số 289 - ngày 29/5/2024)				
60	Lê Thị Hoài Thanh	12/5/1977	02		30	70	Kiểm
61	Nguyễn Văn Thiệu	01/7/1978	02		59	7.25	Kiểm, hai năm
62	Đặng Xuân Thịnh	21/3/1988	02		77	70	Kiểm
63	Võ Thị Kim Thoa	11/7/1981	02		40	75	Kiểm, năm
64	Nguyễn Thị Thơm	12/09/1988	02		48	7.75	Kiểm, bảy năm
65	Lê Thị Bích Thuận	02/10/1990	02		28	6.5	Sau, năm
66	Hoàng Thị Kim Thủy	15/6/1986	02		34	75	Kiểm, năm
67	Phan Thị Thủy	27/7/1984	02		47	75	Kiểm, năm
68	Bùi Thị Phương Thủy	07/3/1983	02		37	70	Kiểm
69	Lê Thị Thủy	15/9/1983	03		17	80	Tam
70	Hoàng Văn Thuyết	12/6/1984	02		1	75	Kiểm, năm
71	Trần Đức Tiến	05/02/1986	03		18	80	Tam
72	Trần Văn Tiến	15/08/1985	02		33	75	Kiểm, năm
73	Phạm Đình Tú	23/6/1987	02		52	7.25	Kiểm, hai năm
74	Phạm Văn Tư	06/12/1984	02		3	75	Kiểm, năm

IN VIỆC
KING
I TRI
ĐẠI

Sbd	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
75	Đặng Thị Tuyền	08/9/1986	02		2	60	Suy
76	Hoàng Ngọc Ty	10/01/1978	02		7	70	Suy
77	Nguyễn Đức Vui	10/7/1989	02		58	75	Suy, học năm
78	Phạm Thị Vui	22/02/1990	02		36	70	Suy
79	Lý Thị Xuân	01/4/1985	02		39	75	Suy, học năm

Tổng số học viên theo danh sách:.....79.....học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi:.....01.....học viên (lý do.....Bảo lưu KQHT.....)

Số học viên đủ điều kiện thi:.....78.....học viên;

Số học viên vắng thi:.....0.....học viên; trong đó: có lý do:...../..... học viên; không có lý do:...../.....học viên;

Số bài thi hiện có:.....78.....bài/.....167.....tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

Trình Thị Phú Mỹ

Ngày 19 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Phạm Văn Dũng

TRƯỞNG KHOA

Lê Đình Hùng



BAN GIÁM HIỆU

Nguyễn Thành Dũng

CÁN BỘ COI THI 02

Đào Anh Dũng

Ngày 16 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

TS. Lê Duyên Hà

